

Sector & Company Insights

Đánh giá tác động của Thông tư 06/2016/ TT-NHNN

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm thực hiện

Trần Thị Hồng Tươi

tuoith@bsc.com.vn

Ngày 27/05/2016, NHNN đã chính thức ban hành thông tư 06/2016/TT-NHNN (gọi tắt là TT06) sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 36/2014/TT-NHNN (gọi tắt là TT36), quy định về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các thay đổi quan trọng của TT06 (xem phụ lục 01)

- Hệ số rủi ro các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản tăng từ 150% lên 200% từ ngày 01/01/2017, thấp hơn mức 250% trong dự thảo sửa đổi TT36.
- Giảm có lộ trình tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn từ mức tối đa 60% về 50% vào năm 2017 và về 40% từ ngày 01/01/2018. Dự thảo sửa đổi TT36 tháng 2/2016 yêu cầu tỷ lệ này là 40%.
- Tăng tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân của tháng liền kề trước đó với tỷ lệ tối đa tăng từ 15% lên 25% đối với nhóm NHTM Nhà nước và lên 35% đối với nhóm chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Dự thảo sửa đổi TT36 tăng tỷ lệ này từ 15% lên 35% đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không tăng với nhóm NHTM Nhà nước).
- Bổ sung quy định “Cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá để khách hàng ủy thác cho tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh cổ phiếu” thuộc đối tượng quy định về “Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu”, giống với dự thảo sửa đổi TT36 đã lấy ý kiến.

Các tác động tiềm năng của TT 06 đối với nền kinh tế Việt Nam:

So với TT 36, TT06 thắt chặt hơn các quy định về cho vay trung dài hạn, cho vay kinh doanh bất động sản và kinh doanh cổ phiếu. Tuy nhiên, so với các quy định khắt khe trong dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, TT06 thể hiện sự trung hòa giữa mục tiêu thắt chặt hoạt động cho vay tiềm ẩn nhiều rủi ro, lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng và mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định lãi suất cho vay.

Điểm tích cực là TT06 được ban hành với các điều kiện nới lỏng hơn cùng với lộ trình thực hiện được kéo dài thêm từ 6-18 tháng. Do đó, các ngân hàng, doanh nghiệp có thêm thời gian để đáp ứng các yêu cầu đề ra. Đồng thời, room tăng trưởng tín dụng, đặc biệt là tín dụng bất động sản được cải thiện, áp lực tăng lãi suất được giảm bớt sẽ có tác động tích cực hơn dự kiến (so với bản dự thảo sửa TT36 tháng 2/2016) đến kết quả kinh doanh của các ngân hàng cũng như nhóm doanh nghiệp bất động sản, các ngành liên quan và tác động tích cực đến thị trường chứng khoán.

- Lãi suất.** Áp lực tăng lãi suất trong ngắn hạn không cao. Trong dài hạn, lãi suất cho vay vẫn chịu sức ép tăng và có thể tác động đến chi phí vốn, giảm cầu đầu tư cũng như giảm nhu cầu tiêu dùng.
- Tín dụng** có nhiều room để tăng trưởng hơn so với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36 trước đây.
- Lành mạnh hóa hoạt động ngân hàng:** Ổn định thanh khoản, minh bạch nợ xấu.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp,** bao gồm cả khối ngân hàng được thuận lợi hơn so với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36.
- Dòng tiền vào thị trường cổ phiếu có thể suy giảm,** tuy nhiên, điều này đã được phản ánh và dự báo đối với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36.
- Thị trường trái phiếu - Tích cực:** Nâng tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân của tháng liền kề trước từ 15% lên 25% đối với NHTM Nhà nước và từ 15% lên 35% đối với chi nhánh nước ngoài.

1. Đánh giá tác động của Thông tư 06 đến nền kinh tế

Với mục tiêu ổn định và lành mạnh hóa hoạt động của hệ thống ngân hàng, NHNN đã lấy ý kiến về dự thảo sửa đổi bổ sung TT36 và mới đây, ban hành TT06. Một số tác động tích cực trong dài hạn của TT 06:

- **Củng cố thanh khoản cho các ngân hàng, là tiền đề để ổn định hệ thống ngân hàng trong dài hạn.**
Tín dụng trung và dài hạn liên tục tăng nhanh từ năm 2013 (tăng 43,1% năm 2013, tăng 45,4 và tăng 29% trong năm 2015). Dư nợ tín dụng trung và dài hạn chiếm từ 40-65% tổng dư nợ tín dụng của các ngân hàng. Tính đến ngày 31/12/2015, tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn tại nhóm các NHTM CP là 36,9% và tại nhóm các NHTM NN (có tính đến BID, CTG và VCB) là 33,36%. Quy định giảm tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn sẽ hạn chế việc mất cân đối trong sử dụng nguồn vốn, đảm bảo khả năng chi trả của các ngân hàng. Một số ngân hàng có tỷ lệ này cao như SHB, EIB sẽ cần phải cân đối lại nguồn và sử dụng nguồn để đảm bảo yêu cầu của cơ quan quản lý.
- **Mình bạch hơn thực trạng nợ xấu.** Siết chặt giải ngân đối với các khoản dư nợ trung và dài hạn khiến các khoản nợ xấu, nợ quá hạn sớm bộc lộ rủi ro hơn. Do vậy, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu của các TCTD được phản ánh chính xác hơn. Tuy nhiên, điều này đồng thời làm tăng gánh nặng trích lập dự phòng đối với hệ thống các TCTD. So với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, quy định về tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn được nới lỏng hơn, do đó, áp lực trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu tiềm tàng thấp hơn so với dự kiến.

So với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, TT06 nới lỏng và đưa ra lộ trình đối với việc từng bước siết chặt các tỷ lệ an toàn vốn đã mang lại những tác động tích cực trong ngắn hạn như ổn định lãi suất, mở thêm room tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại, đặc biệt là tín dụng bất động sản, và qua đó, tác động tích cực đến thị trường chứng khoán và nền kinh tế qua 2 yếu tố sau:

- **Sức ép tăng lãi suất giảm bớt**

Với đặc thù hoạt động của các ngân hàng là vốn huy động ngắn hạn (chiếm khoảng 70%-85% cơ cấu nguồn vốn) trong khi đó, cho vay thường có kỳ hạn trên 1 năm (chiếm từ 40-65% tổng dư nợ của các ngân hàng). Việc ngân hàng nhà nước siết chặt tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn sẽ buộc các ngân hàng phải cân đối lại kỳ hạn tiền gửi và cho vay của mình thông qua: (1) thu hút nguồn vốn tiền gửi kỳ hạn dài (tăng cầu nguồn vốn dài hạn); hoặc (2) giảm cho vay trung và dài hạn (giảm cung cho vay trung và dài hạn). 2 cách này đều có hiệu ứng làm tăng mặt bằng lãi suất trên thị trường. Lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí lãi từ đó tác động tiêu cực đến lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao. Đồng thời, lãi suất tăng cũng sẽ làm giảm nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế, giảm nhu cầu đầu tư mới, từ đó, kìm hãm đà phục hồi của nền kinh tế.

Chúng tôi nhận thấy, ngay khi NHNN lấy ý kiến về việc thực hiện dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, các NHTM đã từng bước cơ cấu lại nguồn vốn để đáp ứng các yêu cầu của thông tư, đưa tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn về 40%. Bằng chứng là ngay từ đầu tháng 3/2016, lãi suất huy động, đặc biệt là lãi suất huy động các kỳ hạn 24 và 36 tháng ở nhiều ngân hàng đã tăng lên mức 8-8,3% như EIB, Việt Á Bank, OCB...

Thông tư 06 giảm tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn từ mức tối đa 60% về 50% vào năm 2017 và về 40% từ ngày 01/01/2018. Như vậy, so với dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, các quy định tại TT06 đưa ra lộ trình kéo dài 18 tháng, tạo thời gian cho các ngân hàng cơ cấu lại nguồn vốn và cho vay, tránh tạo ra các cú sốc trong ngắn hạn, qua đó, giảm áp lực tăng lãi suất. Ngay trước thời điểm TT06 được ban hành, với tình hình thanh khoản được cải thiện, nhiều NHTM CP khối tư nhân đã chủ động giảm lãi suất huy động trung bình khoảng 0,1%.

Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của các NHTM CP niêm yết năm 2015¹

Ngân hàng	Giá trị/ trong khoảng
SHB	32%
EIB	49%
BID	38%
ACB	20-41%
STB	32-36%
NVB	32-35%
VCB	18%
MBB	7-28%
CTG	15-25%

Nguồn: BSC research

- Thêm room tăng trưởng tín dụng

Năm tháng đầu năm 2016, tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại. Tín dụng toàn ngành ngân hàng đến cuối tháng 4 đạt mức tăng trưởng 4% so với đầu năm, nhưng sang giữa tháng 5, tăng trưởng tín dụng giảm, chỉ còn đạt 3,8% so với đầu năm. Điều này có thể là do tác động của dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, các NHTM giảm cho vay lĩnh vực bất động sản, thắt chặt nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn. Chúng tôi cho rằng, các điều kiện nới lỏng hơn và có lộ trình thực hiện đã được đề cập trong TT06 sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng đẩy nhanh nguồn vốn tín dụng trong các tháng cuối năm 2016. Cụ thể, TT 06, không chỉ giảm có lộ trình tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn về 40% từ 01/01/2018 mà còn điều chỉnh hệ số rủi ro các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản tăng từ 150% lên 200% từ 01/01/2017 (thay vì mức 250% như đề cập trong dự thảo sửa đổi bổ sung TT36).

Chúng tôi đánh giá, việc điều chỉnh hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản giảm so với dự thảo sửa đổi TT36 sẽ khơi thông dòng vốn tín dụng cho các ngân hàng. Do (1) siết chặt dòng vốn tín dụng vào bất động sản sẽ ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân các dự án, và ảnh hưởng gián tiếp đến lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng. Cho vay kinh doanh bất động sản và xây dựng đạt 934 nghìn tỷ đồng (trong đó, dư nợ bất động sản là 478 nghìn tỷ, dư nợ xây dựng là 456 nghìn tỷ đồng) chiếm đến 20% tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế vào cuối năm 2015. Tốc độ tăng trưởng cho vay kinh doanh bất động sản cao, liên tục tăng mạnh từ năm 2012, tăng 14% năm 2012, tăng 15,4% năm 2013, tăng 19,3% năm 2014 và 26% năm 2015. (2) Nới lỏng tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, qua đó, mở rộng nguồn vốn giải ngân cho các ngân hàng do đặc thù hoạt động của các ngân hàng là huy động ngắn hạn trong khi đó, cho vay kỳ hạn dài. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá tác động tăng trưởng tín dụng từ việc nới lỏng này không nhiều do thời hạn 6-18 tháng giãn ra là tương đối ngắn đối với các khoản tín dụng trung và dài hạn.

Hệ số an toàn vốn tối thiểu của các ngân hàng niêm yết

	VCB	CTG	BID	MBB	ACB	STB	SHB	EIB	NVB
CAR	10.70%	10.60%	9.81%	12.85%	12.80%	9.87*	11.40%	16.52%	11.08%

Nguồn: VCB, CTG, BID, MBB, ACB, STB, EIB, NVB

*: số liệu năm 2014

Chúng tôi lưu ý, so với TT36/2014, các quy định tại TT06/2016 vẫn chặt chẽ hơn. Các ngân hàng có tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn cao như SHB, EIB cần chú ý cân đối nguồn vốn, cho vay để

¹ BSC ước tính, trong đó: giá trị tối đa ứng với giả định ngân hàng không có giấy tờ có giá được sử dụng trong giao dịch của NHNN và giá trị tối thiểu ứng với giả định số dư giấy tờ có giá nói trên bằng giá trị nhỏ nhất giữa (a) trái phiếu chính phủ, tín phiếu CP, tín phiếu NHNN, giấy tờ có giá được Chính phủ bảo lãnh và (b) giá trị chứng khoán đầu tư có kỳ hạn trên 1 năm đã loại trừ giá trị trái phiếu VAMC¹.

đảm bảo tỷ lệ an toàn. Việc tăng hệ số rủi ro của các khoản cho vay kinh doanh bất động sản từ 150% lên 200% làm giảm CAR của các ngân hàng Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh các ngân hàng đang phải tăng vốn để đáp ứng yêu cầu Basel II. Do vậy, các ngân hàng sẽ thận trọng hơn khi xét duyệt các khoản cho vay kinh doanh bất động sản, đặc biệt là đối với các ngân hàng có tỷ lệ CAR gần mốc 9%. CAR toàn hệ thống các TCTD đạt 12,67%, trong đó, nhóm các NHTM nhà nước (có tính đến BID, CTG, VCB) đạt 9,27%, nhóm NHTM cổ phần đạt 12,22% vào cuối tháng 3/2016. Tốc độ tăng trưởng tín dụng và thu nhập của một số ngân hàng niêm yết có thể chậm lại do có tỷ lệ cho vay kinh doanh bất động sản và xây dựng cao. Chúng tôi không đánh giá đây là một yếu tố rủi ro lớn nữa, do điều này đã được dự đoán trước và thể hiện phần nào qua tác động khi NHNN công bố dự thảo sửa đổi bổ sung TT36.

Tỷ trọng cho vay bất động sản, xây dựng của các NHTM niêm yết

Ngân hàng	Kinh doanh BĐS	Xây dựng	Tăng trưởng cho vay kinh doanh BĐS và xây dựng yoy
NVB		38%	109%
SHB	7%	15%	23%
CTG	8%	11%	56%
BID	7%	11%	5%
STB*	13%	N/A	16%
MBB	9%	4%	17%
EIB	N/A	6%	-30%
ACB	2%	4%	22%
VCB	N/A	6%	30%

(Nguồn: BCTC HN các NHTM CP, *: BCTCHN Q2/2015)

2. Đánh giá tác động của Thông tư 06 đến Thị trường chứng khoán

Thị trường trái phiếu Chính phủ sẽ sôi động và phát triển hơn trong thời gian tới, tăng khả năng huy động vốn từ kênh phát hành trái phiếu Chính phủ. 75% giá trị trái phiếu Chính phủ phát hành được hấp thụ bởi khối ngân hàng. Việc tăng tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ từ 15% lên 35% đối với chi nhánh nước ngoài và từ 15% lên 25% đối với NHTM Nhà nước được xem như “mở room” trên thị trường trái phiếu Chính phủ, tăng cầu trái phiếu này. Đây là yếu tố phần nào giúp giảm bớt tác động tăng lãi suất trung và dài hạn do siết chặt các tỷ lệ an toàn hoạt động ngân hàng. Chúng tôi cho rằng, dư địa nắm giữ trái phiếu Chính phủ tăng lên sẽ chủ yếu đến từ khối NHTM Nhà nước do khối lượng giao dịch của cả nhóm ngân hàng nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thấp, chiếm khoảng 7-11% giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Thị trường cổ phiếu. Thị trường sơ cấp được dự báo sẽ sôi động hơn hỗ trợ cho quá trình huy động vốn của các doanh nghiệp niêm yết. Dòng tiền vào thị trường chứng khoán có thể sẽ hạn chế hơn, tuy nhiên, chúng tôi đánh giá tác động của TT06 đối với thị trường cổ phiếu đều đã được thị trường phản ánh khi NHNN công bố dự thảo sửa đổi bổ sung TT36. Do vậy, chúng tôi cho rằng, mức độ rủi ro và ảnh hưởng đối với thị trường là không đáng lo ngại.

Dòng tiền vào thị trường có thể giảm. (1) Như đã phân tích ở trên, lãi suất tăng làm giảm mức hấp dẫn của tỷ suất sinh lợi của các khoản đầu tư chứng khoán, do đó, sẽ tác động tiêu cực đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán. (2) Bổ sung “Cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá để khách hàng ủy thác cho tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh cổ phiếu” thuộc đối tượng quy định về “Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu”. Theo quy định tại thông tư 36, “Tổng dư nợ tín dụng của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tất cả các khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”. Việc bổ sung thêm đối tượng tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu sẽ co hẹp lại tổng dư nợ

tín dụng đối với 8 nhóm đối tượng thuộc tín dụng để đầu tư kinh doanh cổ phiếu theo quy định tại Thông tư 36, do vậy, làm giảm dòng tiền vào vào thị trường cổ phiếu.

Thị trường sơ cấp sôi động hơn. Việc thắt chặt tín dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, xây dựng có thể buộc các doanh nghiệp có nhu cầu vốn cao, dự án tốt tìm nguồn tài trợ mới như phát hành cổ phiếu tại thị trường sơ cấp.

Một số ngành chịu tác động. Như chúng tôi đã phân tích ở trên, hầu hết các tác động tiêu cực của TT06 đối với nền kinh tế, ngân hàng, và bất động sản đều đã được phản ánh trong dự thảo sửa đổi bổ sung TT36, và phần nào đã được phản ánh qua hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian qua. TT06 với các điều kiện nới lỏng hơn, đồng thời đưa ra lộ trình thực hiện kéo dài từ 6-18 tháng sẽ hỗ trợ tăng trưởng đối với nền kinh tế, ngân hàng, bất động sản và giảm chi phí vốn cho hầu hết các doanh nghiệp. Một số ngành chịu tác động trực tiếp từ các thay đổi của TT06, theo đánh giá của chúng tôi là ngân hàng, bất động sản, xây dựng và vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi, ít nhất là trong ngắn hạn.

- **Ngân hàng.** Tăng trưởng thu nhập của các ngân hàng có thể giảm nhẹ do (1) tăng trưởng tín dụng chậm hơn; (2) NIM giảm do lãi suất huy động tăng trong khi định hướng của NHNN điều hành lãi suất cho vay đầu ra tiếp tục duy trì ở mức thấp và có thể giảm 0,5-1%; (3) tăng trích lập dự phòng rủi ro. Đồng thời, nhu cầu tăng vốn chủ sở hữu bù đắp lại sự sụt giảm của CAR do tăng hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, với việc giãn thời gian thực hiện theo lộ trình các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các TCTD theo TT06, ngân hàng có thêm nguồn để cho vay trung và dài hạn, áp lực tăng lãi suất huy động và tăng trích lập dự phòng được giảm bớt, do vậy, thu nhập của ngân hàng có thể sẽ đỡ chịu áp lực ngắn hạn hơn.
- **Bất động sản.** Chúng tôi chia các doanh nghiệp bất động sản thành 2 nhóm là bất động sản dân cư và bất động sản khu công nghiệp. (1) TT 06 hạn chế tín dụng đối với các dự án sẽ và đang triển khai và bất động sản mua để đầu tư (chiếm 20-30% tổng nhu cầu bất động sản). Điều này có thể làm giảm tốc độ tiêu thụ hàng tồn kho bất động sản và giá nhà trong dài hạn. (2) Trong khi đó, TT 06 không gây nhiều tác động tiêu cực đến nhu cầu thuê đất ở các khu công nghiệp do các doanh nghiệp này ít phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp FDI mang lại nguồn thu nhập ổn định và thường ứng trước 15%-20% giá trị hợp đồng (được sử dụng làm hạ tầng).

Chúng tôi lưu ý, các tác động kể trên đối ngành bất động sản đã được dự báo trước và việc TT06 nới lỏng các quy định liên quan đến cho vay bất động sản hơn so với dự thảo sửa đổi sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng tín dụng của lĩnh vực này, ít nhất là trong ngắn hạn, do vậy, doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp bất động sản được kỳ vọng cao hơn trong khi đó, hàng tồn kho giảm.

- **Xây dựng và vật liệu xây dựng,** chịu ảnh hưởng gián tiếp từ thông tư 06. Do đây là 2 ngành có mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu triển khai các dự án bất động sản. Chúng tôi cho rằng, mức độ ảnh hưởng tiêu cực sẽ thấp hơn đối với các doanh nghiệp bất động sản. Áp lực giảm bớt sẽ mang lại tiềm năng tăng trưởng cao hơn đối với các doanh nghiệp xây dựng và vật liệu xây dựng. Tác động này sẽ rõ hơn đối với nhóm doanh nghiệp xây dựng nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại và các doanh nghiệp vật liệu xây dựng có tỷ lệ bán vào kênh công trình cao.

Phụ lục 01: Một số thay đổi quan trọng của TT06 so với thông tư 36/2014/TT-NHNN và dự thảo sửa đổi TT36

S T T	Thông tư 36	Dự thảo Thông tư	Thông tư 06/2016/TT-NHNN																				
1	Phụ lục II. Hệ số rủi ro của các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản là 150%	Phụ lục II. Hệ số rủi ro của các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản là 250%	Phụ lục II. Hệ số rủi ro của các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản là 200% từ 01/01/2017																				
2	Khoản 5 Điều 17 : 5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa như sau: a) Ngân hàng thương mại: 60%; b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 60%; c) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 200%; d) Ngân hàng hợp tác xã: 60%.	Khoản 14 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 như sau: “5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa như sau: a) Ngân hàng thương mại: 40%; b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 40%; c) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 80%; d) Ngân hàng Hợp tác xã: 40%”	Khoản 17 điều 1: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa với lộ trình như sau: <table><tr><th>Loại hình TCTD</th><th>01/07/2016- 31/12/2016</th><th>01/01/2017- 31/12/2017</th><th>Từ 01/01/2018</th></tr><tr><td>Ngân hàng thương mại</td><td>60%</td><td>50%</td><td>40%</td></tr><tr><td>Chi nhánh NH nước ngoài</td><td>60%</td><td>50%</td><td>40%</td></tr><tr><td>TCTD phi ngân hàng</td><td>100%</td><td>90%</td><td>80%</td></tr><tr><td>Ngân hàng Hợp tác xã</td><td>60%</td><td>50%</td><td>40%</td></tr></table>	Loại hình TCTD	01/07/2016- 31/12/2016	01/01/2017- 31/12/2017	Từ 01/01/2018	Ngân hàng thương mại	60%	50%	40%	Chi nhánh NH nước ngoài	60%	50%	40%	TCTD phi ngân hàng	100%	90%	80%	Ngân hàng Hợp tác xã	60%	50%	40%
Loại hình TCTD	01/07/2016- 31/12/2016	01/01/2017- 31/12/2017	Từ 01/01/2018																				
Ngân hàng thương mại	60%	50%	40%																				
Chi nhánh NH nước ngoài	60%	50%	40%																				
TCTD phi ngân hàng	100%	90%	80%																				
Ngân hàng Hợp tác xã	60%	50%	40%																				
3	Khoản 6 Điều 17: 6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả các khoản ủy thác cho tổ chức khác mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ nhưng không bao gồm các khoản mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ bằng nguồn vốn ủy thác từ tổ chức khác) theo tỷ lệ tối đa so với nguồn vốn ngắn hạn như sau: a) Ngân hàng thương mại nhà nước: 15%; b) Ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài: 35%; c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 15%; d) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: 5%; đ) Ngân hàng hợp tác xã: 40%.	Khoản 15 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 6 Điều 17 : “c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 35%; đ) Ngân hàng hợp tác xã: 35%”	Khoản 18 điều 1: Sửa đổi bổ sung khoản 6 điều 17. TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân của tháng liền kề trước đó như sau: a. Tỷ lệ tối đa: (i) Ngân hàng thương mại nhà nước: 25% (ii) NHTM cổ phần, NH liên doanh, NH 100% vốn nước ngoài: 35% (iii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 35% (iv) TCTD phi ngân hàng: 5% (v) Hợp tác xã: 35% b. Số dư mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ xác định tỷ lệ tối đa quy định tại điểm a khoản này bao gồm toàn bộ số dư trái phiếu Chính phủ thuộc sở hữu của TCTD, chi nhánh NH nước ngoài, bao gồm cả các khoản ủy thác cho tổ chức khác mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ và không bao gồm các khoản mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ bằng nguồn vốn ủy thác từ cá nhân, tổ chức mà TCTD, chi nhánh NH nước ngoài không chịu rủi ro. c. Nguồn vốn ngắn hạn được xác định theo quy định tại khoản 4 điều này; d. TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có nguồn vốn ngắn hạn được mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ theo tỷ lệ tối đa tương ứng với quy định tại điểm a khoản này so với vốn điều lệ hoặc vốn được cấp.																				
4		Bổ sung điểm i Khoản 18 Điều 3. Theo đó, “Cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá để khách hàng ủy thác cho tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh cổ phiếu” thuộc đối tượng quy định về “Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu”.	Bổ sung điểm i Khoản 18 Điều 3. Theo đó, “Cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá để khách hàng ủy thác cho tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh cổ phiếu” thuộc đối tượng quy định về “Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu”.																				
5	Khoản 5 Điều 21 : 5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) phải duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi như sau: a) Ngân hàng thương mại nhà nước: 90%; b) Ngân hàng hợp tác xã: 80%; c) Ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài: 80%; d) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 90%; Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới thành lập trong 3 (ba) năm đầu tiên, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ cụ thể khác với các tỷ lệ nêu trên đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Khoản 17 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 21 như sau: “5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) phải duy trì tỷ lệ tối đa dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi như sau: a) Ngân hàng thương mại nhà nước: 90%; b) Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ: 90% c) Ngân hàng thương mại (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm a và điểm b khoản này): 80%; d) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 90% đ) Ngân hàng hợp tác xã: 80%”	Không có																				

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về Vĩ mô, ngành và doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: BSCV <GO>

